

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Ban hành theo T. Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
					Đơn vị tính : VNĐ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		7.935.937.305.287	6.163.508.096.185
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	VI.01	2.202.347.754.859	1.751.670.156.184
1. Tiền		111		1.952.347.754.859	1.451.670.156.184
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>				<i>1.431.620.188.881</i>	<i>1.024.748.146.134</i>
2. Các khoản tương đương tiền		112		250.000.000.000	300.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	VI.02	2.623.389.997.785	1.972.285.905.012
1. Đầu tư ngắn hạn		121		2.667.440.530.032	2.020.376.804.048
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(44.050.532.247)	(48.090.899.036)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		2.980.269.366.656	2.421.558.584.794
1. Phải thu của khách hàng		131	VI.07	2.382.333.905.009	2.107.173.592.328
2. Trả trước cho người bán		132	VI.08	4.357.353.850	2.255.075.655
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		135	VI.07	96.751.565.773	362.010.103
5. Các khoản phải thu khác		138	VI.07	540.053.022.057	340.166.436.972
<i>Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng</i>					
6. <i>khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn</i>		139	VI.10	<i>(43.226.480.033)</i>	<i>(28.398.530.264)</i>
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		129.930.185.987	17.993.450.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		5.133.274.360	4.760.470.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152	VI.07	-	44.439.578
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	VI.11	124.796.911.627	13.188.539.712



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.589.838.873.764	2.390.144.815.553
I Các khoản phải thu dài hạn	210		728.283.349.208	941.392.879.465
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	896.115.524.962	1.124.019.887.995
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(167.832.175.754)	(182.627.008.530)
II. Tài sản cố định	220		134.198.611.863	139.383.414.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	15.849.693.688	19.380.118.523
<i>Nguyên giá</i>	222		85.209.435.629	85.471.911.442
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(69.359.741.941)	(66.091.792.919)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.06	118.348.918.175	120.003.295.763
<i>Nguyên giá</i>	228		166.075.805.426	165.239.353.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(47.726.887.251)	(45.236.057.878)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.443.136.338.558	1.193.701.659.769
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342.000.000.000	342.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	687.716.852.867	648.013.806.679
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		687.716.852.867	648.013.806.679
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	457.000.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(43.580.514.309)	(334.929.146.910)
V. Tài sản dài hạn khác	260		284.220.574.135	115.666.862.033
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	1.122.511.376	756.245.245
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.18	27.247.665.738	88.452.941.782
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.04	20.000.000.000	19.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	235.850.397.021	6.474.763.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.525.776.179.051	8.553.652.911.738

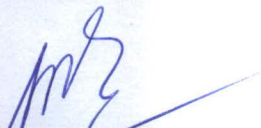
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.528.947.849.599	3.111.056.469.578
I. Nợ ngắn hạn	310		3.728.947.849.599	3.111.056.469.578
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.19	1.456.395.515.225	1.506.127.466.877
2. Phải trả người bán	312		329.287.983	1.119.400.635
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	5.550.061.369	71.967.220.419
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	33.813.869.127	38.507.993.397
5. Phải trả người lao động	315		3.299.377.644	3.301.862.273
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	43.471.927.587	22.665.399.700
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.15	366.456.472.315	254.556.316.042
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.21	1.688.125.555.781	1.096.408.609.677
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.22	12.909.372.683	9.609.207.880
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		921.104.660	1.884.039.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		117.635.108.863	104.908.953.518
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		40.196.362	-
			-	-
II. Nợ dài hạn	330		800.000.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	800.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.996.828.329.452	5.442.596.442.160
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.17	5.996.828.329.452	5.442.596.442.160
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.273.327.990.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.349.860.000	342.196.810.218
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(169.884.900)	(54.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		447.423.045.314	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.246.897.319.038	1.189.451.378.912
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		10.525.776.179.051	8.553.652.911.738

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

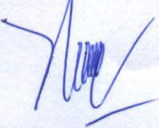
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		19.684.937.630.000	16.971.498.980.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		14.948.220.920.000	13.385.339.520.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		148.115.310.000	89.693.530.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		13.169.471.490.000	11.856.981.100.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.630.634.120.000	1.438.664.890.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		553.684.180.000	305.421.250.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		545.042.020.000	295.550.450.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		8.642.160.000	9.870.800.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		2.957.626.170.000	2.519.004.810.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		172.800.000.000	92.335.010.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		2.784.826.170.000	2.426.669.800.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		1.079.301.010.000	741.167.730.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		120.175.950.000	301.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		949.896.840.000	735.731.330.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		9.228.220.000	5.135.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		146.105.350.000	20.565.670.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		145.075.220.000	20.309.180.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		1.030.130.000	256.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		1.401.785.300.000	1.025.917.840.000
	Trong đó:			-	-
7.1	Chứng khoán giao dịch	051		1.177.597.470.000	824.916.770.000
7.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		14.451.760.000	14.439.920.000
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		995.262.730.000	652.581.860.000
7.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		167.882.980.000	157.894.990.000
7.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		153.283.510.000	148.800.330.000
7.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		64.860.530.000	60.377.350.000
7.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87.422.980.000	87.422.980.000
7.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3	Chứng khoán cầm cố	061		59.944.250.000	45.999.520.000
7.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		59.944.250.000	45.999.520.000
7.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4	Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1	Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4	Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5	Chứng khoán chờ thanh toán	071		10.960.070.000	6.201.220.000
7.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		10.960.070.000	6.201.220.000
7.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4	Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4	Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

P. Tổng Giám Đốc



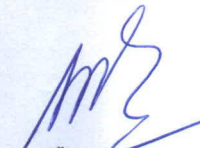
Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		396.500.537.347	488.520.348.028	761.594.650.378	871.185.114.618
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		71.221.965.423	67.884.897.394	133.281.797.847	144.289.838.836
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.23	181.527.381.058	284.306.534.211	349.459.490.890	509.089.361.575
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	18.469.016	174.791.725	61.342.304
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.078.202.493	8.811.581.115	17.000.748.007	11.065.648.720
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.781.076.614	1.251.692.735	3.413.734.742	2.595.785.755
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		178.105.399	177.885.399	364.798.071	364.518.070
	Doanh thu khác	01.9	VI.24	133.713.806.360	126.069.288.158	257.899.289.096	203.718.619.358
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.570.008	-	909.212.457	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		396.491.967.339	488.520.348.028	760.685.437.921	871.185.114.618
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.25	(52.696.462.672)	192.343.655.110	78.736.178.180	270.254.269.555
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		179.264.590.641	104.802.570.916	299.839.632.898	215.079.132.311
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		(231.961.053.313)	87.541.084.194	(221.103.454.718)	55.175.137.244
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		449.188.430.011	296.176.692.918	681.949.259.741	600.930.845.063
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.26	3.383.772.032	3.423.398.155	6.121.420.621	6.438.053.316
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		445.804.657.979	292.753.294.763	675.827.839.120	594.492.791.747
8	Thu nhập khác	31		3.373.137.335	1.187.459.605	3.758.046.444	2.412.997.540
9	Chi phí khác	32		495.365	2.421.969	2.883.933	3.021.988
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	VI.27	3.372.641.970	1.185.037.636	3.755.162.511	2.409.975.552
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		449.177.299.949	293.938.332.399	679.583.001.631	596.902.767.299
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		19.834.665.639	64.312.006.999	64.113.583.505	122.278.460.502
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		60.856.182.614	(7.704.701.230)	61.413.191.814	(7.413.064.070)
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		368.486.451.696	237.331.026.630	554.056.226.312	482.037.370.867
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015
 Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2015

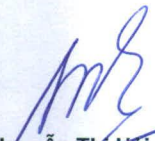
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	679.583.001.631	596.902.767.299
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.373.161.702	5.950.511.581
- Các khoản lập dự phòng	03	(221.148.454.718)	55.175.137.244
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(124.364.671.037)	(164.381.478.322)
- Chi phí lãi vay	06	46.604.815.874	2.167.415.785
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	387.047.853.452	495.814.353.587
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(484.796.626.396)	(341.961.034.501)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	528.771.909.487	(1.822.667.519.444)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	691.299.201.590	2.740.587.159.167
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(739.069.586)	(3.498.461.995)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23.923.164.647)	(2.247.131.941)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(58.429.214.615)	(83.852.020.126)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.225.000	27.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(39.375.219.825)	(26.024.204.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	999.858.894.460	956.178.140.447
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(2.225.467.879)	(2.724.673.036)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	12.136.004	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.879.302.250.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	244.236.686.302	303.194.472.326
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.367.298.050)	(16.041.550.850)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	209.819.125.762	199.893.223.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	82.071.713.728	63.631.233.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.351.755.354.133)	547.953.704.714

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	52.517.860.000	
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(169.830.000)	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	9.216.174.539.622	4.097.549.175.426
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.465.906.491.274)	(3.928.507.735.279)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.020.000)	(64.299.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	802.574.058.348	168.977.141.147
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	450.677.598.675	1.673.108.986.308
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.751.670.156.184	1.511.653.564.168
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.202.347.754.859	3.184.762.550.476

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015
 P. Tổng Giám Đốc



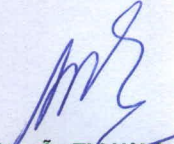

 Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

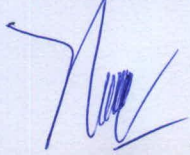
Chi tiêu 6 tháng năm 2015	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	735.378.570.000	-	4.273.327.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		342.196.810.218	29.423.360.000	342.270.310.218	29.349.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(54.900)	(169.830.000)	-	(169.884.900)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		372.998.887.930	74.424.157.384	-	447.423.045.314
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.189.451.378.912	554.264.142.082	496.818.201.956	1.246.897.319.038
Cộng		5.442.596.442.160	1.393.320.399.466	839.088.512.174	5.996.828.329.452

Chi tiêu 6 tháng năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	-	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	37.185.768.678	-	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		866.129.290.773	482.037.370.867	420.919.485.692	927.247.175.948
Cộng		4.995.589.868.643	519.223.139.545	420.919.485.692	5.093.893.522.496


Người Lập Biểu



 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015
 P. Tổng Giám Đốc


 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 SÀI GÒN
 QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH


 Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 02 năm 2015 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
4. **Tổng số nhân viên** : 522
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Giải thích chênh lệch lợi nhuận quý 2/2015 với quý 2/2014: kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 2/2015 của Công ty lãi 368.486.451.696 đồng, tăng 55% (tương ứng 131.155.425.066 đồng) so với cùng kỳ quý 2/2014 chủ yếu do trong quý 2/2015 hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán nhiều so với quý 2/2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN QUÍ 2 NĂM 2015****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***Đơn vị tính: VNĐ*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 2 năm 2015					
1. Doanh thu trực tiếp	145.372.644.786	181.527.381.058	62.782.556.553	6.809.384.942	396.491.967.339
2. Các chi phí trực tiếp	53.173.670.779	(181.047.744.198)	36.888.997.986	3.726.108.955	(87.258.966.478)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	23.370.212.453	3.833.335.888	2.934.784.682	4.435.300.845	34.573.633.868
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	68.828.761.554	358.741.789.368	22.958.773.885	(1.352.024.858)	449.177.299.949
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	3.636.613.546.689	2.951.454.387.468	3.222.474.095.698	436.429.432	9.810.978.459.287
2. Tài sản bộ phận phân bổ	140.549.436.711	7.808.302.040	1.952.075.510	10.931.622.855	161.241.437.116
3. Tài sản không phân bổ					553.556.282.648
Tổng tài sản	3.777.162.983.400	2.959.262.689.508	3.224.426.171.208	11.368.052.287	10.525.776.179.051
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.706.644.844.119	19.638.193.918	2.631.061.311.327	5.501.337.083	4.362.845.686.447
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	109.723.301.427	6.095.738.968	1.523.934.742	8.534.034.555	125.877.009.693
3. Nợ phải trả không phân bổ					40.225.153.459
Tổng công nợ	1.816.368.145.546	25.733.932.886	2.632.585.246.069	14.035.371.638	4.528.947.849.599

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Hoạt động của Công ty mẹ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	112.004.565	173.468.197
Tiền gửi ngân hàng	1.952.235.750.294	1.451.496.687.987
<i>Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.431.620.188.881</i>	<i>1.024.748.146.134</i>
Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	300.000.000.000
Cộng	2.202.347.754.859	1.751.670.156.184

2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015				
Chứng khoán thương mại	12.253.054	338.340.530.032	(44.050.532.247)	294.289.997.785
Cổ phiếu Niêm yết	11.092.747	315.778.618.287	(25.660.858.326)	290.117.759.961
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	1.160.306	22.561.811.745	(18.389.673.921)	4.172.137.823
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.329.100.000.000	-	2.329.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	2.329.100.000.000	-	2.329.100.000.000
Chứng khoán đầu tư	27.938.075	687.716.852.867	(43.580.514.309)	644.136.338.558
Chứng khoán sẵn sàng để bán	27.938.075	687.716.852.867	(43.580.514.309)	644.136.338.558
- Cổ phiếu Niêm yết	23.276.733	514.260.047.683	(7.522.425.661)	506.737.622.022
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.661.342	75.884.487.164	(36.058.088.648)	39.826.398.516
- Trái phiếu	1.000.000	97.572.318.020	-	97.572.318.020
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	1.499.999	457.000.000.000	-	457.000.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn khác	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	442.000.000.000	-	442.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	442.000.000.000	-	442.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2014				
Chứng khoán thương mại	6.050.833	124.376.804.048	(48.090.899.036)	76.285.905.012
Cổ phiếu Niêm yết	3.470.364	66.326.384.750	(1.314.628.366)	65.011.756.384
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	2.580.468	58.050.319.298	(46.776.270.670)	11.274.048.628
Trái phiếu	1	100.000	-	100.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.896.000.000.000	-	1.896.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.896.000.000.000	-	1.896.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	22.995.596	648.013.806.679	(37.186.146.910)	610.827.659.769
Chứng khoán sẵn sàng để bán	22.995.596	648.013.806.679	(37.186.146.910)	610.827.659.769
- Cổ phiếu Niêm yết	17.284.254	375.067.350.845	(2.809.270.106)	372.258.080.739
- Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.661.342	75.884.487.171	(34.376.876.804)	41.507.610.367
- Trái phiếu	2.050.000	197.061.968.663	-	197.061.968.663
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	11.766.999	538.617.000.000	(297.743.000.000)	240.874.000.000
Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	(297.743.000.000)	240.874.000.000
- Công ty CP Cao Su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	(297.743.000.000)	225.874.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	1.499.999	15.000.000.000	-	15.000.000.000

- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, có 1.558,1 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 606 tỷ đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, có 332 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 110 tỷ đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Trong số cổ phiếu niêm yết của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 30/06/2015, có 18.002.666 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 180.026.666.000 đồng đã là tài sản đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015				
Chứng khoán thương mại	8.575.683	186.420.354.359	(44.050.532.247)	142.369.822.112
Cổ phiếu niêm yết				
LAS	15.320	485.624.998	(62.792.998)	422.832.000
DBC	4.027.794	108.677.736.939	(11.607.901.539)	97.069.835.400
VAF	1.420.400	35.488.291.962	(13.330.051.962)	22.158.240.000
E1SSH30	1.954.700	19.229.761.827	(660.111.827)	18.569.650.000
Cộng niêm yết	7.418.214	163.881.415.726	(25.660.858.326)	138.220.557.400
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.874	117.732.575	(3.927.022)	113.805.553
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Cộng chưa niêm yết	1.157.469	22.538.938.633	(18.389.673.921)	4.149.264.712
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Chứng khoán thương mại	4.562.653	78.185.904.958	(48.090.899.036)	30.095.005.922
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.752	127.098.826	(19.066.827)	108.031.999
PVS	8.140	332.587.537	(113.621.539)	218.965.998
E1SSH30	1.969.900	19.699.000.000	(1.181.940.000)	18.517.060.000
Cộng niêm yết	1.984.792	20.158.686.363	(1.314.628.366)	18.844.057.997
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty CP Nhựa Sam Phú	418.273	4.182.730.000	(2.125.524.841)	2.057.205.159
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.452.100.000)	1.197.900.000
CTCP Phân Lân Văn Điển	1.420.400	35.488.291.962	(28.386.291.962)	7.102.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(4.231.809)	113.488.766
Công ty CP Bá Hiến Viglacera	6.054	253.765.058	(253.765.058)	-
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(3.504.357.000)	780.354.000
Cộng chưa niêm yết	2.577.861	58.027.218.595	(46.776.270.670)	11.250.947.925

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Giá trị theo sổ kê toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	5.037.613	117.735.280.335	(43.580.514.309)	74.154.766.026
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.092	10.932.011.866	(907.815.866)	10.024.196.000
GIL	1.070.000	33.778.634.830	(6.279.634.830)	27.499.000.000
ELC	277.753	4.640.146.465	(334.974.965)	4.305.171.500
Cộng niêm yết	2.118.845	49.350.793.161	(7.522.425.661)	41.828.367.500
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(5.601.947.248)	5.722.725.526
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(6.783.000.000)	16.422.000.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
Cộng chưa niêm yết	2.918.768	68.384.487.174	(36.058.088.648)	32.326.398.526
Tại ngày 31/12/2014				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.698.872	91.623.705.680	(37.186.146.910)	54.437.558.770
Cổ phiếu niêm yết				
LAF	771.092	10.932.011.866	(1.678.907.866)	9.253.104.000
ELC	266.438	4.807.206.640	(1.130.362.240)	3.676.844.400
Cộng niêm yết	1.037.530	15.739.218.506	(2.809.270.106)	12.929.948.400
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(3.709.911.074)	7.614.761.700
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.537.920.000)	662.080.000
- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.400	(4.135.226.400)	2.519.600.000
- Công ty Cổ phần truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(6.783.000.000)	16.422.000.000
- Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	742.574	7.500.000.000	(210.824.330)	7.289.175.670
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(4.999.995.000)	6.999.993.000
Cộng chưa niêm yết	3.661.342	75.884.487.174	(34.376.876.804)	41.507.610.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.122.511.376	756.245.245
Tổng Cộng	1.122.511.376	756.245.245

4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.039.464.938
Tổng Cộng	20.000.000.000

5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	68.196.998.519	14.504.261.403	161.260.000	85.471.911.442
Tăng trong kỳ	-	351.907.494	-	-	351.907.494
Mua trong kỳ	-	351.907.494	-	-	351.907.494
Giảm trong năm	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Bán thanh lý	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	2.609.391.520	67.934.522.706	14.504.261.403	161.260.000	85.209.435.629
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.609.391.520	55.157.869.212	8.263.775.521	60.756.666	66.091.792.919
Tăng trong kỳ	-	3.114.519.529	745.453.470	22.359.330	3.882.332.329
Khấu hao	-	3.114.519.529	745.453.470	22.359.330	3.882.332.329
Giảm trong kỳ	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Bán thanh lý	-	(614.383.307)	-	-	(614.383.307)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	2.609.391.520	57.658.005.434	9.009.228.991	83.115.996	69.359.741.941
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	13.039.129.307	6.240.485.882	100.503.334	19.380.118.523
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	-	10.276.517.272	5.495.032.412	78.144.004	15.849.693.688

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	49.259.862.204	109.671.558.000	6.307.933.437	165.239.353.641
Tăng trong kỳ	585.076.887	-	251.374.898	836.451.785
<i>Mua mới</i>	585.076.887		251.374.898	836.451.785
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	49.844.939.091	109.671.558.000	6.559.308.335	166.075.805.426
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.166.340.019	-	2.069.717.859	45.236.057.878
Tăng trong kỳ	1.972.141.756	-	518.687.617	2.490.829.373
<i>Khấu hao</i>	1.972.141.756		518.687.617	2.490.829.373
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	45.138.481.775	-	2.588.405.476	47.726.887.251
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.093.522.185	109.671.558.000	4.238.215.578	120.003.295.763
Ngày 30 tháng 06 năm 2015	4.706.457.316	109.671.558.000	3.970.902.859	118.348.918.175

7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	2.382.333.905.009	2.107.173.592.328
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ ký quỹ	2.141.278.299.862	2.003.553.536.747
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	43.586.587.273	97.679.567.228
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán khác	192.630.000.000	-
- Phải thu phí tư vấn	1.828.148.882	2.904.869.361
- Phải thu khác	3.010.868.992	3.035.618.992
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	96.751.565.773	362.010.103
- Phải thu sở giao dịch	96.623.095.100	260.170.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	128.470.673	101.840.103
3. Thuế GTGT khấu trừ	-	44.439.578
4. Phải thu khác	540.053.022.057	340.166.436.972
- Phải thu tổ chức phát hành – cổ tức, trái tức	3.038.685.164	16.311.647.807
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư ngắn hạn tại SSIAM	513.919.133.357	314.295.199.721
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi ngân hàng	8.580.371.556	6.412.282.961
- Phải thu hợp đồng mua bán chứng khoán	13.606.432.178	-
- Phải thu khác	908.399.802	3.147.306.483

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VND):**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	4.357.353.850	2.255.075.655

9. Phải thu dài hạn khác (đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số dư Danh mục ủy thác đầu tư dài hạn tại SSIAM	896.115.524.962	1.124.019.887.995
Cộng	896.115.524.962	1.124.019.887.995

10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(40.435.836.798)	(25.562.887.029)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(167.832.175.754)	(182.627.008.530)
- Dự phòng phải thu khó đòi khác	(2.790.643.235)	(2.835.643.235)
Cộng	(211.058.655.787)	(211.025.538.794)

11. Tài sản ngắn hạn khác (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ ngắn hạn	110.481.410.320	-
Tài sản ngắn hạn khác	14.315.501.307	13.188.539.712
Cộng	124.796.911.627	13.188.539.712

12. Tài sản dài hạn khác (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ dài hạn	229.378.858.811	-
Tài sản dài hạn khác	6.471.538.210	6.474.763.210
Cộng	235.850.397.021	6.474.763.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	6.367.138.875	5.198.754.935
Lãi trái phiếu	22.456.041.669	-
Phải trả SSIAM tiền phí tư vấn và quản lý danh mục	4.648.663.670	10.455.347.727
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	1.777.661.083	1.890.738.020
Lãi vay tổ chức tín dụng	886.787.527	658.386.630
Phí dịch vụ	325.000.000	404.000.000
Chi phí phải trả khác	7.010.634.763	4.058.172.388
Tổng Cộng	43.471.927.587	22.665.399.700

14. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	5.550.061.369	6.957.820.419
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	-	65.009.400.000
Tổng Cộng	5.550.061.369	71.967.220.419

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.439.280.455	34.160.840
Phải trả hợp đồng mua bán lại trái phiếu	80.000.000.000	164.000.000.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	24.943.229	24.943.229
Phải trả công ty con SSIAM	-	1.973.000.000
Phải trả khách hàng – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	268.830.000.000	85.126.479.812
Phải trả khách hàng tiền bán hộ chứng khoán	14.988.643.248	-
Các khoản khác	1.173.605.383	3.397.732.161
Tổng Cộng	366.456.472.315	254.556.316.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.228.456.465	766.442.893
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.834.665.639	13.866.922.128
Thuế Thu nhập cá nhân	1.841.482.840	4.239.382.498
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	7.757.153.560	15.215.147.616
Các loại thuế khác	3.152.110.623	4.420.098.262
Cộng	33.813.869.127	38.507.993.397

Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành 6 tháng năm 2015: (đơn vị tính: VND)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	679.583.001.631
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(109.006.750.181)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2014	(402.058.826.278)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.06.2015 chưa khấu trừ thuế	123.853.026.079
- Chi phí được khấu trừ thuế năm trước chuyển sang	(945.071.681)
- Chi phí không khấu trừ thuế	-
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%	291.425.379.570
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp lũy kế đến 30.06.2015</i>	64.113.583.505

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.537.949.420.000	342.196.810.218	(54.900)	372.998.887.930	1.189.451.378.912	5.442.596.442.160
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011 và 03/2011/NQ-HĐQT ngày 20/10/2011	23.168.000.000	29.423.360.000				52.591.360.000
Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐQT ngày 13/1/2015	712.210.570.000	(342.196.810.218)			(370.013.759.782)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)				37.212.078.692	(37.212.078.692)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)				37.212.078.692	(37.212.078.692)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)					(22.327.247.215)	(22.327.247.215)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(14.884.831.477)	(14.884.831.477)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ(2% LN sau thuế)					(14.884.831.477)	(14.884.831.477)
Chi phí phát sinh khi tăng vốn		(73.500.000)				(73.500.000)
Lợi nhuận sau thuế đến 30 tháng 06 năm 2015	-	-	-	-	554.056.226.312	554.056.226.312

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành theo quyết toán thuế năm 2014	-	-	-		(283.374.621)	(283.374.621)
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại theo quyết toán thuế năm 2014					207.915.770	207.915.770
Mua Cổ phiếu Quỹ	-	-	(169.830.000)			(169.830.000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	4.273.327.990.000	29.349.860.000	(169.884.900)	447.423.045.314	1.246.897.319.038	5.996.828.329.452

15.2 Cổ phiếu

	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	427.332.799	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	427.332.799	353.794.942
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	427.332.799	353.794.942
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	427.332.799	353.794.942
Số lượng cổ phiếu quỹ	(6.292)	(2)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(6.292)	(2)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(6.292)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	427.326.507	353.794.940
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	427.326.507	353.794.940

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Tài sản thuế TNDN hoãn lại (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	27.247.665.738	88.452.941.782
Tổng cộng	27.247.665.738	88.452.941.782

19. Vay và Nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – vay thấu chi	380.704.293.182	387.823.413.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – vay thấu chi	-	161.837.457.364
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – vay thấu chi	-	154.033.358
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – vay thấu chi	500.691.222.043	526.357.360.661
Ngân hàng Quốc tế - vay thấu chi	-	199.955.202.141
Ngân hàng Quốc tế - vay ngắn hạn	200.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – vay ngắn hạn	375.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - vay ngắn hạn	-	230.000.000.000
Tổng cộng	1.456.395.515.225	1.506.127.466.877

Tỷ lệ lãi suất áp dụng cho các khoản vay thấu chi tại các ngân hàng dao động từ 1.5% đến 8.05%/năm.

Chi tiết:

Số đầu năm	1.506.127.466.877
Phát sinh tăng	8.416.174.539.622
Phát sinh giảm	8.465.906.491.274
Số cuối kỳ	1.456.395.515.225

20. Vay và Nợ dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu SSIBOND012015	500.000.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND022015	300.000.000.000	-
Tổng cộng	800.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trái phiếu SSIBOND012015 phát hành đợt 1 vào tháng 1/2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22/12/2014 với số lượng 1.000 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, không có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm có cam kết mua lại 6 tháng một lần với lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 8.2%/năm và được điều chỉnh lại năm tiếp theo.
- Trái phiếu SSIBOND022015 phát hành vào tháng 4/2015 theo Nghị Quyết số 02/2015/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15/04/2015 với số lượng 600 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu, có tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm với lãi suất tính bằng tổng của tối đa 1.5%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại các Ngân hàng của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Sở giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.431.620.188.881	944.143.998.877
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	256.504.479.900	152.264.610.800
Phải trả Sở GDCK HCM	887.000	-
Tổng cộng	1.688.125.555.781	1.096.408.609.677

22. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông của SSI	4.685.233.750	4.727.253.750
Phải trả lãi trái phiếu cho trái chủ của SSI	715.305.824	718.097.161
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	7.508.833.109	4.163.856.969
Tổng Cộng	12.909.372.683	9.609.207.880

23. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2-2015	Quý 2- 2014
Cổ tức	82.400.716.981	37.839.205.451
Trái tức	3.903.698.630	9.955.832.573
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	94.238.404.984	44.395.991.013
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	984.560.463	191.714.505.174
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	-	401.000.000
Tổng cộng	181.527.381.058	284.306.534.211

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2-2015	Quý 2- 2014
Lãi tiền gửi	47.538.229.091	73.713.895.884
Doanh thu phí ứng trước	2.305.150.351	2.726.001.917
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	67.579.165.152	44.298.730.113
Doanh thu khác	16.291.261.766	5.330.660.244
Tổng cộng	133.713.806.360	126.069.288.158

25. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2-2015	Quý 2- 2014
Chi phí môi giới chứng khoán	18.302.689.618	15.188.078.131
Chi phí tự doanh chứng khoán	43.600.275.116	15.628.598.539
Chi phí hoạt động tư vấn	8.345.033.999	2.222.009.381
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(231.961.053.313)	87.541.084.194
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	36.205.624.351	41.210.395.344
<i>Trả lãi nhà đầu tư</i>	1.335.774.005	3.071.611.019
<i>Trả lãi tiền vay</i>	11.729.734.554	850.086.670
<i>Trả lãi Trái phiếu</i>	14.370.306.668	-
<i>Chi phí khác</i>	8.769.809.124	37.288.697.655
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	72.810.967.557	30.553.489.521
<i>Chi phí lương</i>	38.706.025.276	23.635.148.021
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	2.578.297.400	1.971.061.322
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	6.973.324.120	841.156.602
<i>Hoàn nhập chi phí dự phòng quỹ lương</i>	-	(17.000.000.000)
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	1.548.695.910	994.656.329
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	2.933.048.530	2.865.548.334
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	7.380.464.356	7.655.319.039
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	10.520.741.721	9.564.681.347
<i>Chi phí khác</i>	2.170.370.244	25.918.527
Tổng cộng	(52.696.462.672)	192.343.655.110

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2-2015	Quý 2- 2014
Chi phí nhân viên	2.852.900.710	2.937.435.924
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.322	205.871.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.000.000	280.090.909
Tổng cộng	3.383.772.032	3.423.398.155

27. Lợi nhuận khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 2-2015	Quý 2- 2014
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	35.545.455	-
Thu nhập từ lãi phạt/bỏ cọc thực hiện hợp đồng	2.008.086.000	562.291.668
Thu nhập khác	1.329.505.880	625.167.937
Tổng cộng	3.373.137.335	1.187.459.605
Chi phí khác		
Chi phí khác	495.365	2.421.969
Tổng cộng	495.365	2.421.969
	3.372.641.970	1.185.037.636

28. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN) và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN , Phó Tổng Giám đốc Công ty PAN là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch thành viên Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>			<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Doanh thu/ (chi phí)</i>
		<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>		
		<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Quý Đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-
	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	692.066.957	(692.066.957)	-	692.066.957
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	10.800.702.000	-
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	270.017.551	273.017.745	(543.035.296)	-	273.017.745
	Phải thu ký quỹ	99.515.836.075	39.249.352.866	(75.816.598.173)	62.948.590.768	-
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	-	547.131.720.643	(451.131.720.643)	96.000.000.000	-
	Cổ tức	-	2.999.998.000	(2.999.998.000)	-	2.999.998.000
	Mua trái phiếu	(150.000.000.000)	-	-	(150.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu	(2.425.833.334)	(3.109.166.667)	-	(5.535.000.001)	(3.109.166.667)
	Phí ký quỹ	-	2.561.409.795	(2.561.409.795)	-	2.561.409.795
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán	-	531.732.750	(531.732.750)	-	531.732.750
	Phí dịch vụ	-	1.922.647.254	(1.922.647.254)	-	1.747.861.140
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	45.348.365	(45.348.365)	-	45.348.365

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>			<i>Số cuối kỳ</i> VNĐ	<i>Doanh thu/ (chi phí)</i> VNĐ
		<i>Số đầu kỳ</i> VNĐ	<i>Tăng trong kỳ</i> VNĐ	<i>Giảm trong kỳ</i> VNĐ		
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình và các công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	1.373.958.460	(1.373.958.460)	-	1.373.958.460
	Phải thu ký quỹ	-	73.442.740.829	(73.442.740.829)	-	-
	Phí ký quỹ	-	1.159.991	(1.159.991)	-	1.159.991
	Phí hợp đồng tư vấn	1.755.000.000	-	(1.755.000.000)	-	-
	Ứng mua chứng khoán	(50.100.000.000)	(13.092.286.040)	50.100.000.000	(13.092.286.040)	-
	Bán chứng khoán	-	166.126.300.000	(166.126.300.000)	-	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(177.044.208)	(406.195.752)	447.209.732	(136.030.228)	(406.195.752)
	Đặt cọc thuê kho	78.262.800	-	-	78.262.800	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	(197.861.101.333)	(1.053.544.969.988)	982.576.071.321	(268.830.000.000)	-
	Lãi nhận cọc phải trả	(432.578.824)	(6.471.215.456)	6.103.910.974	(799.883.306)	(6.471.215.456)
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	885.632.252	(885.632.252)	-	885.632.252
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	1.520.287.163.487	366.347.890.381	(476.600.395.549)	1.410.034.658.319	25.845.458.275
	Cổ tức được nhận	-	38.009.379.931	(38.009.379.931)	-	38.009.379.931
	Phí quản lý danh mục	(2.704.116.382)	(7.357.309.972)	7.581.633.740	(2.479.792.614)	(7.357.309.972)
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(2.007.726.948)	(7.313.033.999)	7.151.889.891	(2.168.871.056)	(7.313.033.999)
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	126.611.668	(126.611.668)	-	126.611.668
	Phí dịch vụ	-	249.333.333	(249.333.333)	-	226.666.666
	Phí ký quỹ	-	5.982.350	(5.982.350)	-	5.982.350
	Phải thu giao dịch ký quỹ	1.884.112.868	4.411.131.364	(6.295.244.232)	-	-
Các đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu	(50.000.000.000)	-	-	(50.000.000.000)	-
	Phí dịch vụ	-	12.239.165.555	(12.239.165.555)	-	11.126.514.141
	Lãi trái phiếu	(808.611.112)	(1.036.388.889)	-	(1.845.000.001)	(1.036.388.889)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác :

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 2/2015 là 2.484.690.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

29. Thuyết minh bổ sung

Tại ngày 30.06.2015, tỷ lệ sở hữu (biểu quyết) của phần tự doanh công ty và phần ủy thác tại công ty con SSIAM trên số lượng cổ phiếu lưu hành của các mã cổ phiếu như sau:

Số TT	Mã cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (biểu quyết)
1	GIL	19.98%
2	LAF	19.92%
3	PAN	19.70%
4	TMS	19.98%
5	VFG	19.98%
6	ELC	19.98%
7	PDN	19.98%

Lợi nhuận trước thuế Quý 2/2015 của Công ty là 449.177.299.949 đồng, trong đó đã có 57.363.756.631 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của GIL, PDN, VFG và phần chia sẻ lợi nhuận của công ty con SSIAM, có 1.117.308.625 đồng là chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán của GIL, ELC, LAF. Các khoản cổ tức và chi phí dự phòng này sẽ không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2/2015 do các công ty này là công ty con và các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2015 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2/2015 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.


Trong quý 2.2015, Công ty đã bán khoản đầu tư tại Công ty CP Giống Cây Trồng Miền Nam - SSC và ghi nhận vào lãi hoạt động đầu tư chứng khoán nên SSC không còn là công ty liên kết của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2015, Công ty sẽ ghi nhận một khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là 1,6 tỷ đồng: đây là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào SSC tại ngày 31/03/2015 và khoản lợi nhuận giữ lại trên cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

TPHCM, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc


Nguyễn Hồng Nam